

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2024
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Khắc Hiệp

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1994. Nơi cư trú: tổ 5, ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh AG. (Xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tân C, sinh năm 1994. Nơi cư trú: 116/2 ấp VB, xã ĐĐ, huyện TP, tỉnh BT. (Vắng mặt không có lí do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Vào năm 2015 chị và anh Lê Tân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đại Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/5/2015. Khi sống chung chị và anh C có một con chung Lê Gia H, sinh ngày 26/6/2015. Cuộc sống hôn nhân của chị và anh C thời gian đây bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhận thấy không thể sống chung nhau nữa nên tôi và anh C đã sống ly thân nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng còn, vợ chồng đã sống ly thân nên chị yêu cầu ly hôn anh C. Về con chung: chị đồng ý giao con chung Lê Gia H, sinh ngày 26/6/2015, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng.

Trong quá trình tố tụng anh Lê Tấn C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Tấn C không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L. Chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Anh C được trực nuôi con chung Lê Gia H, sinh ngày 26/6/2015 (theo nguyện vọng của cháu H). Ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Dương Thị L yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tấn C nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Anh Lê Tấn C hiện đang cư trú tại xã ĐĐ, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Xét việc anh Lê Tấn C vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Dương Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/5/2015. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị L cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh C đã trải qua khoảng thời gian đây mất hạnh phúc từ việc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nên tình cảm vợ chồng không còn, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C cho thấy nội dung mà chị L đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là cháu tên Lê Gia H, sinh ngày 26/6/2015. Xét thấy, cháu Gia H sinh sống chung với anh C từ nhỏ cho đến nay, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia H, cháu Gia H có nguyện vọng được sống chung với anh C và trong quá trình giải quyết vụ án chị L đồng ý để anh C được trực tiếp nuôi cháu Gia H. Do đó, để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia H là phù hợp. Anh C không có yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, anh C

không ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, anh C không ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, 147, và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L. Chị L được ly hôn với anh Lê Tấn C.

Chị Dương Thị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Gia H, sinh ngày 26/6/2015 (theo nguyện vọng của cháu Gia H) và ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá

nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị L và anh C có thể yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có tài sản chung, anh C không ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, anh C không ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Dương Thị L phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000204 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Đại Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy